

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/DS-ST
Ngày: 31-12-2020
V/v tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sô.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thắm;

- Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm số 213/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 06 năm 2018 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020, của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ch, sinh năm 1970. Địa chỉ: T 2, 1, xã VT, thị xã TU, tỉnh BD.

Người đại diện ủy quyền: Ông Lê Minh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: 338 Quốc lộ 13 - khu phố 2, phường MP, thị xã BC, tỉnh BD.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị U, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 2, phường CPH, thị xã BC, tỉnh BD.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã TĐ, huyện BTU, tỉnh BD.

2. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã VT, thị xã TU, tỉnh BD.

3. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 2, phường ChPH, thị xã BC, tỉnh BD.

4. Bà Đoàn Thị L1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố BĐ, phường HL, thị xã BC, tỉnh BD.

5. Bà Đoàn Thị S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã VT, thị xã TUn, tỉnh BD.

6. Bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2, xã TB, huyện BTU, tỉnh BD.

Người đại diện ủy quyền: bà M, bà L, bà T, bà L1, bà S, bà Ng: Ông Lê Minh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: 338 Quốc lộ 13, Khu phố 2, phường MPh, thị xã BC, tỉnh BD.

7. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp MĐ, xã BM, huyện BTU, tỉnh BD.

Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên phiên họp về việc công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Cha và mẹ của bà Đoàn Thị Ch là bà Ung Thị X, sinh năm 1933 (mất năm 2012, ông Đoàn Văn X, sinh năm 1931 (mất năm 2004). Cha và mẹ của bà Ung Thị X đều mất trước bà X (không rõ tên tuổi, năm sinh, năm mất).

Bà Ung Thị X và ông Đoàn Văn X có tất cả 09 người con, gồm:

1. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ 7, ấp 2, xã T Đ, huyện BTU, tỉnh BD.

2. Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã V T, thị xã T U, tỉnh B D.

3. Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ tổ 4 khu phố 2, phường Ch Ph H, thị xã B C, tỉnh B D.

4. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp M Đ, xã B M, huyện B T U, tỉnh B D.

5. Bà Đoàn Thị L1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ 2, khu phố B Đ, phường H L, thị xã B C, tỉnh B D.

6. Bà Đoàn Thị S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã V T, thị xã T U, tỉnh B D.

7. Bà Đoàn Thị Ch, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ 2, ấp 1, xã V T, thị xã T U, tỉnh B D.

8. Bà Đoàn Thị Ng, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ 4 ấp 2, xã T B, huyện B T U, tỉnh B D.

9 Bà Đoàn Thị U, sinh năm 1978; Địa chỉ Tổ 1, khu phố 2, phường Ch Ph H, thị xã B C, tỉnh B D.

Sinh thời, bà Ung Thị X, tạo lập được các tài sản sau đây:

Số tiền 220.000.000 đồng, số tiền này hiện bà Đoàn Thị U đang cất giữ.

Phần đất thứ nhất, diện tích đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 8335216, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số H02778, do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát) cấp ngày 14/7/2008 cho bà Ung Thị X. Trên đất có căn nhà cấp 4.

Phần đất thứ hai, diện tích 600m² đất thổ cư, hỗ trợ tái định cư công trình khu công nghiệp và đô thị Tân Uyên, tọa lạc tại ấp 1, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Phần đất này, sau khi bà Ung Thị X mất, ngày 11/4/2014 anh, chị, em trong gia đình thỏa thuận để cho bà Đoàn Thị U đứng tên đại diện trên giấy chứng nhận, sau đó bán lấy tiền chia đều cho anh, chị, em. Tuy nhiên, sau khi hoàn tất thủ tục đứng tên bà Đoàn Thị U không thực hiện đúng như thỏa thuận, chiếm đoạt làm tài sản riêng.

Bà Đoàn Thị Ch khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của bà Ung Thị X.

Bị đơn bà Đoàn Thị U trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống.

Về tài sản của bà Ung Thị X, sau khi qua đời để lại gồm:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2018 bà U thừa nhận còn giữ 120.000.000 đồng, tại bản tự khai ngày 12/5/2020, bà U cho rằng số tiền 220.000.000 đồng bà đã dùng vào việc điều trị bệnh cho bà Ung Thị X.

Phần đất thứ nhất, diện tích đo đạc thực tế là 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 8335216, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số H02778, do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát) cấp ngày 14/7/2008 cho bà Ung Thị X. Trên đất có căn nhà cấp 4, mái thái.

Phần đất thứ hai, diện tích 600m² đất thổ cư hỗ trợ tái định cư công trình khu công nghiệp và đô thị Tân Uyên, tọa lạc tại ấp 1, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Phần đất này, sau khi bà Ung Thị X mất, ngày 11/4/2014 các đồng thừa kế lập biên bản thỏa thuận thống nhất tặng cho bà Đoàn Thị U có xác nhận của UBND xã Vĩnh Tân. Mục đích các đồng thời kế tặng cho phần di sản này không phải tặng cho luôn bà Đoàn Thị U, mà bà Đoàn Thị U dùng vào việc thờ cúng ông bà. Hiện tại bà đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Di sản của cha mẹ để lại. Lúc đầu anh, chị em xác định để lại cho bà U sử dụng vào việc thờ cúng. Vì vậy bà U muốn giữ lại để sử dụng vào việc thờ cúng nên không đồng ý chia.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Các bà Đoàn Thị M; Đoàn Thị L; Đoàn Thị T; Đoàn Thị L1; Đoàn Thị S; Đoàn Thị Ng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Ông Đoàn Văn Đ, trình bày 02 phần đất trên cha, mẹ cùng các anh, chị, em trong gia đình đã thống nhất cho bà U quản lý sử dụng vào việc thờ cúng, bà U đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 600 m² tọa lạc tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Ông Được đề nghị giữ nguyên tâm nguyện của cha, mẹ để lại cho bà U. Trường hợp Tòa án có chia thừa kế thì phần ông Được được chia sẽ cho bà U

Tại phiên tòa, các đương sự có mặt tại phiên tòa giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình tố tụng. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của bà Xem theo quy định pháp luật và đề nghị được nhận phần diện tích 229m², căn nhà, cũng như tài sản gắn liền trên đất và hoàn giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Ý kiến của Kiểm Sát viên về việc tuân theo pháp luật:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đúng theo quy định, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Đường lối giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận một phần, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Ung Thị X đối với diện tích đất do đặc thực tế 229m² và tài sản gắn liền trên đất, số tiền 220.000.000 đồng của bà Ung Thị X để lại. Bác yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 600m² đất thổ cư hỗ trợ tái định cư công trình khu công nghiệp và đô thị Tân Uyên, tọa lạc tại ấp 1, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bà và

Đoàn Thị U đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 6m² và ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Văn Đ cho bà Đoàn Thị U phần di sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Ung Thị X là quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 229m² và tài sản trên đất tọa lạc tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương; 600m² đất tọa lạc tại xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; số tiền 220.000.000 đồng do bà Đoàn Thị U hiện ngụ tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương quản lý sử dụng. Căn cứ khoản 5, Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp di sản thừa kế”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đoàn Thị U và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông Được và bà U.

[1.3] Về việc ủy quyền: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ch và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà M, bà L, bà T, bà L1, bà S, bà Ng cùng ủy quyền cho ông Lê Minh L. Xét thấy về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan không mâu thuẫn nhau nên việc ủy quyền là cơ sở chấp nhận.

[2] Về chứng cứ: Các bên đương sự đồng ý sử dụng chứng cứ do các bên cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập theo biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 28/10/2020 và Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận và công khai chứng cứ của Tòa án. Các bên đương sự không ai có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ. Do đó, Tòa án sử dụng chứng cứ do các bên cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập làm cơ sở để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung tranh chấp

[3.1]. Về quan hệ huyết thống

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ch, bị đơn bà Đoàn Thị U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M, bà L, bà T, bà L1, bà S, bà Ng và ông Được đều thừa

nhận mẹ của các ông bà là bà Ung Thị X, sinh năm 1933 (mất năm 2012), và cha là ông Đoàn Văn X, sinh năm 1931 (mất năm 2004). Cha và mẹ của bà X đều mất trước bà X (không rõ tên tuổi, năm sinh, năm mất), đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Về di sản thừa kế

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của bà Ung Thị X gồm:

Số tiền 220.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ngược lại, tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2018 bị đơn bà U thừa nhận còn giữ 120.000.000 đồng, tại bản tự khai ngày 12/5/2020, bà U cho rằng số tiền 220.000.000 đồng bà đã dùng vào việc điều trị bệnh cho bà Ung Thị X, lời khai chưa thống nhất và không có chứng cứ chứng minh cho việc điều trị bệnh của và Xem. Tòa án tổ chức đối chất thì bà Đoàn Thị U vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định trước khi bà Ung Thị X mất bà U có giữ của bà Xem số tiền 220.000.000 đồng.

Phần đất diện tích đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương gắn liền căn nhà cấp 4 và tài sản trên đất các nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà M, bà L, bà T, bà L1, bà S, bà Ng và đều thừa nhận có nguồn gốc là của bà Ung Thị X, hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Ung Thị X nên có căn cứ xác định đây là tài sản của bà Xem. Bị đơn cho rằng sau khi bà Xem mất thì các anh chị em trong gia đình thống nhất cho bị đơn để chăm lo giỗ cho cha, mẹ nhưng bà Ch, bà M, bà L, bà T, bà L1, bà S, bà Ng không thừa nhận lời trình bày này và bà U không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày này không có cơ sở chấp nhận.

Đối với phần đất có diện tích 600m² đất thổ cư, hỗ trợ tái định cư công trình khu công nghiệp và đô thị Tân Uyên, tọa lạc tại ấp 1, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là của bà Ung Thị X, sau khi bà X qua đời các anh chị em trong gia đình thống nhất lập văn bản cho bà Đoàn Thị U, bà Đoàn Thị U làm hồ sơ thủ tục và đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 5323/QĐ-UBND, ngày 15/10/2014, kể từ bà Đoàn Thị U được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thì phần đất này thuộc về cá nhân bà U, không còn là di sản của bà Ung Thị X.

Như vậy chỉ có căn cứ xác định di sản của bà Ung Thị X gồm: Số tiền 220.000.000 đồng và phần đất diện tích đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, căn nhà cấp 4 và tài sản gắn liền trên đất.

[3.3] Về cách thức chia di sản.

Về số tiền 220.000.000 đồng, hiện bà U đang quản lý, cần buộc bà U giao

lại và chia đều cho 09 người con của bà Ung Thị X, mỗi người số tiền 24.444.444 đồng.

Về quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 229m² và tài sản trên đất tọa lạc tại phường Chánh Phú Hòa, nguyên đơn bà Ch đồng ý nhận di sản và hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác, các đồng thừa kế là bà M, bà L, bà T, bà L1, bà S, bà Ng cũng thống nhất phương thức chia này. Đối với bà Đoàn Thị U và ông Đoàn Văn Đ không có kiến trình bày yêu cầu được nhận bằng hiện vật nên cần buộc bà U giao lại nhà và đất để chia cho bà Đoàn Thị Ch, đồng thời buộc bà Ch hoàn lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Như vậy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ch.

[4] Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Văn Đ tặng cho phần di sản được chia cho bà Đoàn Thị U.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích 6m² đất, tọa lạc tại phường Chánh Phú Hòa thị xã Bến Cát tỉnh Bình Dương, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện trong quá trình tố tụng.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, (định giá 02 lần) và trích sao hồ sơ số tiền 8.000.000 đồng bà Đoàn Thị Ch tự nguyện chịu, chi phí này bà Ch đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5, Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93, Điều 95; Điều 144, Điều 147; Điều 165; Điều 212; Điều 217; khoản 2, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 612; Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ch đối với bị đơn bà Đoàn Thị U về việc “Chia di sản thừa kế”.

1.1. Công nhận di sản thừa kế của bà Ung Thị X, gồm có: Số tiền 220.000.000 đồng và quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AM 335216, do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát) cấp cho bà Ung Thị X, ngày 14/7/2008. Các tài sản này hiện do bà Đoàn Thị U quản lý.

1.2. Buộc bà Đoàn Thị U giao lại các tài sản trên để chia đều cho các thừa kế của bà Ung Thị X gồm: Bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị T, ông Đoàn Văn Đ, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị S, bà Đoàn Thị Ch, bà Đoàn Thị Ng và bà Đoàn Thị U.

1.3. Chia cho bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị T, ông Đoàn Văn Đ, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị S, bà Đoàn Thị Ch, bà Đoàn Thị Ng và bà Đoàn Thị U, mỗi người số tiền 24.444.444 đồng (hai mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

1.4. Chia cho bà Đoàn Thị Ch quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất gồm:

Nhà thứ nhất: Hình chữ L, diện tích 121,5 m², kết cấu: Tường gạch xây tô mái ngói, trần tole, (phần hiên nhà mái tole, trần tole), tường ốp gạch cao 1,6 mét ; cửa đi, cửa sổ khung sắt, gắn kín, nền lót gạch men.

Nhà thứ hai (nhà 1 tầng liền kề nhà số 1): Diện tích 28 m².

Kết cấu: Tường gạch xây tô, xà gồ gỗ, mái tole, trần tole, nền gạch men, tường trong ốp gạch cao 1,6 mét, cửa sổ khung sắt gắn kính.

Nhà thứ ba (nhà 1 tầng liền kề nhà số 2): Diện tích 18,93 m²

Kết cấu: Tường gạch xây tô, xà gồ gỗ, mái tole, nền gạch tàu, cửa đi bằng gỗ, cửa sổ khung sắt gắn kính.

Mái che tole (kèo 50x50), xà gồ gỗ, sắt 30x60, diện tích: 41,87 m².

Tài sản khác: 01 giếng khoan: 01 đồng hồ điện: 01 bồn inox: 01 bàn thiên:

1.5. Buộc bà Đoàn Thị Ch có trách nhiệm hoàn giá trị chênh lệch cho các bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị T, ông Đoàn Văn Đ, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị S, bà Đoàn Thị Ng và bà Đoàn Thị U mỗi người số tiền 155.899.588 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu tám trăm chín mươi chín nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Văn Đ cho bà Đoàn Thị U phần di sản được chia là số tiền 180.344.033 đồng (một trăm tám mươi triệu ba trăm bốn

mười bốn nghìn không trăm ba mươi ba đồng)

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ch đối với bà Đoàn Thị U về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 6m², tọa lạc tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

4. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ch đối với bà Đoàn Thị U về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 600m² đất thổ cư, hỗ trợ tái định cư công trình khu công nghiệp và đô thị Tân Uyên, tọa lạc tại ấp 1, xã Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị U theo quyết định số 5323/QĐ-UBND, ngày 15/10/2014.

5. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 335216, do Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát) cấp cho bà Ung Thị X, ngày 14/7/2008.

Bà Đoàn Thị Ch được quyền liên hệ cơ quan quản lý Nhà nước làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất đo đạc thực tế 229m², thuộc thửa số 762, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu phố 2, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. (Bản vẽ kèm theo)

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị S, bà Đoàn Thị Ng mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 9.017.201 đồng (chín triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm lẻ một đồng).

Bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị L, bà Đoàn Thị T được miễn án phí sơ thẩm nên không phải nộp.

Bà Đoàn Thị Ch phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 9.017.201 đồng (chín triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm lẻ một đồng). Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0025597, ngày 22 tháng 6 năm 2018. Bà Ch còn phải nộp tiếp số tiền 4.517.201 đồng (bốn triệu năm trăm mười bảy nghìn hai trăm lẻ một đồng).

Bà Đoàn Thị U phải chịu 18.034.403 đồng (mười tám triệu không ba mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ ba đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Đoàn Thị Chín tự nguyện chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp, bà Ch đã nộp xong.

6. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người bị thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Thắm – Nguyễn Kim Lý

Nguyễn Văn Số